

BÀN VỀ NGUYÊN TẮC XÉT XỬ CÔNG BẰNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

LÊ XUÂN LỤC*

Tóm tắt: Xét xử công bằng là một quyền tố tụng, một nguyên tắc và một thủ tục tố tụng quan trọng đã được các học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Xét xử công bằng dưới góc độ là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự đã được Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) Việt Nam ghi nhận tại Điều 25 nhưng mới ở dưới dạng tên gọi mà chưa xác định nội dung của nguyên tắc này. Bài viết phân tích làm rõ khái niệm, nội dung của nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự và đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về nguyên tắc xét xử công bằng.

Từ khóa: Xét xử công bằng; tố tụng hình sự; nguyên tắc tố tụng hình sự

Ngày nhận bài: 09/5/2024; Biên tập xong: 03/6/2024; Duyệt đăng: 24/6/2024

DISCUSSION ON PRINCIPLES OF FAIR TRIAL IN VIETNAMESE CRIMINAL PROCEDURES

Abstract: Fair trial is a procedural right, a principle and an important procedure studied by many domestic and foreign scholars. Despite of being recognized by the Vietnamese Criminal Procedure Code in Article 25 as a basic principle, fair trial is only in the form of a name without determining its content. The article clarifies the concept and content of the principle of fair trial in criminal procedures and makes proposals to improve the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on the principle of fair trial.

Keywords: Fair trial; criminal procedures; criminal procedures principle

Received: May 09th 2024; **Editing completed:** Jun 03rd 2024; **Accepted for publication:** Jun 24th 2024

Xét xử công bằng là một giá trị quan trọng được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm trong tố tụng hình sự (TTHS). Xét xử công bằng có thể được tiếp cận dưới các góc độ: (i) *Thứ nhất*, là một quyền của các chủ thể tham gia tố tụng, trong đó quan trọng nhất là người bị buộc tội; (ii) *Thứ hai*, là thủ tục tố tụng công bằng; và (iii) *Thứ ba*, là một nguyên tắc cơ bản trong TTHS. Dù được tiếp cận và hiểu dưới góc độ nào thì xét xử công bằng cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội trong TTHS. Đồng thời, đây cũng là một nội dung có ý nghĩa trong việc đảm bảo cho quá trình TTHS diễn ra một cách khách quan, đúng quy định của pháp luật, chính xác và hiệu quả.

1. Những vấn đề chung về nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự

1.1. Khái niệm nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự

Dưới góc độ lý luận, có nhiều công trình đã tìm hiểu và xác định nội dung

quyền được xét xử công bằng trong TTHS hoặc thủ tục tố tụng công bằng. Tuy nhiên, khái niệm nguyên tắc xét xử công bằng hay nguyên tắc bảo đảm quyền được xét xử công bằng chưa được nhiều học giả đưa ra. Vậy xét xử công bằng là gì và có được coi là một nguyên tắc trong TTHS Việt Nam hay không? Đây là câu hỏi quan trọng cần được làm rõ để xác định được vị trí, vai trò của nguyên tắc này trong TTHS Việt Nam.

Trên thực tế, trước khi có Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015) thì xét xử công bằng chưa được bàn nhiều trong khoa học pháp lý nước ta, mặc dù hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử nói riêng ở Việt Nam trong nhiều năm qua vẫn nỗ lực tiếp cận theo hướng công bằng trong hoạt động xét xử¹.

* Email: Luclx@tks.edu.vn

Thạc sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

¹ Nguyễn Trần Như Khuê, "Nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng và công khai theo Điều 25 BLTTHS năm 2015", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04/2017

Phần lớn cách tiếp cận nội dung này ở Việt Nam trong các giai đoạn trước đây dưới góc độ là một quyền của người bị buộc tội (quyền được xét xử công bằng) hay một thủ tục tố tụng (thủ tục tố tụng công bằng). Tuy nhiên, dù tiếp cận dưới góc độ nào thì khái niệm này đều có một nội dung mang tính chất chung, có giá trị cốt lõi đó là “xét xử công bằng”.

Trước tiên, quyền được xét xử công bằng được hiểu là sự bảo đảm áp dụng đầy đủ thủ tục tố tụng và được thiết kế để bảo đảm “công bằng về thủ tục”. Tác giả Gageler cho rằng “thủ tục công bằng có nội dung thay đổi nhưng nội dung chính vẫn là Tòa án không thể được yêu cầu để áp dụng một thủ tục không công bằng. Một thủ tục là không công bằng nếu nó có khả năng dẫn đến việc Tòa án đưa ra quyết định cuối cùng ảnh hưởng đến quyền được bảo vệ hợp pháp của một người mà không cho người đó có cơ hội công bằng để thực hiện các quyền hợp pháp của mình”². Quan điểm này nhấn mạnh đến yếu tố hình thức của quyền được xét xử công bằng, đó là công bằng về thủ tục tố tụng.

Trên cơ sở các quan niệm chung, các tác giả Việt Nam nghiên cứu nhiều về khái niệm quyền được xét xử công bằng nhưng các quan điểm về quyền này vẫn chưa có sự thống nhất. Theo tác giả Nguyễn Ngọc Chí, “Quyền được xét xử công bằng là quyền cơ bản của người bị buộc tội trong vụ án hình sự và của các bên trong các vụ án phi hình sự trước cơ quan tư pháp (công an, công tố và Tòa án) được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận và bảo vệ, bao gồm nhiều quyền cụ thể như được bảo đảm quyền bào chữa, được xét xử nhanh chóng, công khai bởi Tòa án độc lập không thiên vị... nhằm bảo đảm việc xét xử được công bằng cũng như các quyền và lợi ích của mọi cá nhân”³. Theo tác giả Võ Quốc Tuấn, nội dung pháp luật về quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét

xử vụ án hình sự là “tổng thể các quy phạm pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa bị cáo và các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các chủ thể khác, được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm góp phần bảo đảm phiên tòa hình sự được xét xử khách quan, vô tư và không thiên vị”⁴.

Dưới góc độ pháp luật thực định trong pháp luật quốc tế, xét xử công bằng đã được đề cập đến trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 (UDHR). Theo đó, mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng, được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và không thiên vị trong việc quyết định các quyền và nghĩa vụ cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ. Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự chính trị năm 1966 (ICCPR) nêu rõ hơn nội dung và những đòi hỏi của nguyên tắc này như sau: “Tất cả mọi người đều bình đẳng trước tòa án và cơ quan tài phán. Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội trong vụ án hình sự hoặc xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong tố tụng dân sự”.

Trong các quy định pháp luật Việt Nam, nguyên tắc xét xử công bằng cũng đã được ghi nhận. Đầu tiên phải kể đến quy định trong khoản 2 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 “người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai”. Tiếp đến là BLTTHS năm 2015 quy định tại Điều 25 nằm trong Chương II - Những nguyên tắc cơ bản, với nội dung: “Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng”.

Như vậy, về thực chất, pháp luật Việt Nam mới chỉ ghi nhận tên gọi của nguyên tắc xét xử công bằng một cách rất ngắn gọn trong Hiến pháp và BLTTHS mà chưa có

² Richard Clayton and Hugh Tomlinson (2009), *Fair trial rights*, Publisher: OUP Oxford.

³ Nguyễn Ngọc Chí, *Quyền con người trong lĩnh vực Tư pháp hình sự (sách chuyên khảo)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr.121

⁴ Võ Quốc Tuấn, “Pháp luật về quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam - thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 04 (452)/2022, tr.47-51

quy định về nội dung thể hiện của nguyên tắc đó giống như các nguyên tắc khác trong TTHS. Điều này, bên cạnh việc xuất phát từ nguyên nhân là sự quan tâm tiếp cận của nhà làm luật cũng như xã hội đến nguyên tắc xét xử công bằng còn chưa thực sự lớn (mà thường tiếp cận dưới góc độ quyền), còn do nội dung của nguyên tắc xét xử công bằng thực chất đã được thể hiện trong nội dung của các nguyên tắc khác trong TTHS, ví dụ như nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc quyền bào chữa... Đây chính là cách tiếp cận mang tính phổ biến trên thế giới về xét xử công bằng nói chung và nguyên tắc xét xử công bằng nói riêng. Tuy nhiên, việc tiếp cận này nhất thiết phải làm rõ nội dung, tính độc lập và mối quan hệ của xét xử công bằng so với các nguyên tắc khác trong TTHS.

Từ các phân tích trên, có thể hiểu *nguyên tắc xét xử công bằng là nguyên tắc cơ bản trong TTHS Việt Nam, là những phương châm, định hướng để đảm bảo quyền được xét xử công bằng trong TTHS được thừa nhận và bảo đảm cho các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật TTHS có quyền bào chữa, được suy đoán vô tội, được tranh tụng và được xét xử nhanh chóng, công khai bởi một Tòa án độc lập, không thiên vị.*

1.2. Nội dung nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự

Quyền được xét xử công bằng đầu tiên được đề cập trong các Điều 10 và 11 UDHR. Theo Điều 10, *mọi người đều bình đẳng về quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một toà án độc lập và khách quan để xác định các quyền và nghĩa vụ của họ, cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ.* Điều 11 bổ sung thêm một số khía cạnh cụ thể, theo đó: *Mọi người, nếu bị cáo buộc về hình sự, đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật, tại một phiên toà xét xử công khai, nơi người đó được bảo đảm những điều kiện cần thiết để bào chữa cho mình.* Không ai bị cáo buộc là phạm tội vì bất cứ hành vi hoặc sự tắc trách nào mà không cấu thành một phạm tội hình sự theo pháp luật quốc gia hay pháp luật quốc tế vào thời điểm thực hiện hành vi hay có

sự tắc trách đó. Cũng không ai bị tuyên phạt nặng hơn mức hình phạt được quy định vào thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện. Như vậy, nguyên tắc xét xử công bằng có các nội dung sau đây:

Thứ nhất, xét xử công bằng phải đảm bảo quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội

Quyền được suy đoán vô tội được hình thành tương đối sớm trong nhiều nền tư pháp trên thế giới. Liên quan đến quyền này là trách nhiệm chứng minh tội phạm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Theo đó, trách nhiệm đưa ra chứng cứ phạm tội thuộc về bên công tố, nhưng bị cáo có quyền được nghi ngờ. Không một tội nào được quy kết cho đến khi lời buộc tội đã có chứng cứ không thể phủ nhận⁵.

Quy định về suy đoán vô tội có quan hệ chặt chẽ với quy định về tòa án không thiên vị. Các cơ quan tiến hành tố tụng, các thẩm phán, công tố viên có nghĩa vụ không được có định kiến trước về kết quả của việc xét xử, ví dụ như việc thông báo cho công chúng khẳng định bị cáo có tội trước khi xét xử.

Trong pháp luật Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 (khoản 1 Điều 31) và trong BLTTHS năm 2015 (Điều 13). Theo Điều 13 BLTTHS: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.*

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Tiếp cận ở khía cạnh xét xử công bằng, quyền được suy đoán vô tội giả định rằng mọi người đều trung thực và vô tội cho đến khi chứng minh có tội. Vì thế, mọi biện pháp để lấy lời khai không được phạm vào điều cấm của pháp luật TTHS (như dùng nhục

⁵ Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Quyền con người - Tập hợp những bình luận khuyến nghị chung Ủy ban công ước Liên hợp quốc*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.65

hình, đối xử tàn ác, vô nhân đạo), tôn trọng lợi ích, danh dự, nhân phẩm của người bị buộc tội. Quyền được suy đoán vô tội cũng như một thách thức cho cơ quan có thẩm quyền, có chuyên môn, có quyền lực vượt qua một cách thuyết phục để chứng minh một người có tội. Quyền được suy đoán vô tội gắn liền với nghĩa vụ chứng minh của bên buộc tội và hệ quả của nó là “tiêu chuẩn nghi ngờ hợp lý” (reasonable doubt standard) trong hoạt động chứng minh. Theo đó, “suy đoán vô tội trở nên đồng nghĩa với nghĩa vụ của bên công tố phải chứng minh một cá nhân phạm tội đến mức không còn sự nghi ngờ hợp lý nào”. Chính vì vậy, suy đoán vô tội, trách nhiệm chứng minh và vượt qua sự nghi ngờ hợp lý (beyond reasonable doubt) luôn là những bộ phận cấu thành của nhau khi quy định suy đoán vô tội⁶.

Thứ hai, bảo đảm xét xử công bằng là bảo đảm quyền bình đẳng của các bên buộc tội và gỡ tội trước Tòa án có thẩm quyền

Khoản 1 Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”. Trong TTHS, nguyên tắc hiến định này được cụ thể hóa tại Điều 26 BLTTHS năm 2015. Theo đó, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Ở đây, quyền bình đẳng được hiểu là mỗi bên khi tham gia quá trình xét xử đều có cơ hội ngang bằng nhau để nêu lên quan điểm của mình và không bên nào được hưởng bất kỳ sự thiên vị thuận lợi nào hơn so với bên còn lại⁷.

Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án trong TTHS là việc ghi nhận quyền bình đẳng những người tham gia tố tụng trong TTHS bằng pháp luật. Đồng thời, các chủ thể tham gia tố tụng phải có trách nhiệm

tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền của các chủ thể này; ngăn ngừa sự xâm phạm, bảo vệ quyền của những chủ thể trong vụ án hình sự.

Nhận thức ở góc độ quyền được xét xử công bằng, khi áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án, không có ngoại lệ nào cho các chủ thể với lý do dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội, trừ trường hợp luật có quy định sự khác biệt. Tất cả các bị cáo đều có quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bào chữa và nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình; quyền được hỏi và đề nghị chủ tọa phiên tòa xét hỏi; quyền phát biểu ý kiến, tranh luận; quyền được nói lời nói sau cùng...⁸

Thứ ba, xét xử công bằng thể hiện ở quyền được xét xử bởi Tòa án độc lập và công khai

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể hơn: *Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật. Có thể thấy, xét xử công khai nhằm đảm bảo cơ chế kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử. Sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước nói chung và hoạt động xét xử nói riêng là đòi hỏi cấp bách của một xã hội dân chủ. Việc xét xử công khai cũng là một trong những yêu cầu để đảm bảo quyền được xét xử công bằng trong TTHS bởi đây là cơ chế để bảo đảm tính công bằng trong hoạt động xét xử của tòa án, góp phần thúc đẩy việc thực hiện dưới sự giám sát đầy đủ của người dân đối với hoạt động tố tụng của tòa án.*

⁶ Đinh Thế Hùng (2019), *Thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/thuc-hien-nguyen-tac-suy-doan-vo-toi-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam>, truy cập ngày 27/10/2023.

⁷ Hoàng Hùng Hải (2012), *Bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong xét xử hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.33.

⁸ Nguyễn Trần Như Khuê (2023), *Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 65

Thứ tư, xét xử công bằng thể hiện ở bảo đảm nguyên tắc tranh tụng và nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong TTHS

Điều 16 BLTTHS năm 2015 quy định: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”. Với quy định này, chủ thể được quyền bào chữa là người bị buộc tội. Bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội là cơ sở giúp cho hoạt động giải quyết vụ án hình sự được thực hiện đúng pháp luật. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội góp phần xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bảo đảm công bằng và tránh tình trạng oan sai.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội được quy định trong các điều luật khác nhau liên quan đến từng chủ thể bị buộc tội. Các điều luật từ Điều 58 đến Điều 61 đều quy định quyền “tự bào chữa, nhờ người bào chữa” cho người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Phần lớn các quyền của người bị buộc tội để thực hiện quyền bào chữa đã được trình bày ở nội dung về quyền được bình đẳng trước Tòa án, trong đó có thực hiện tranh tụng. Đó là các quyền nhằm bảo đảm tranh tụng công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự như: Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu của người bị buộc tội; Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu (bị can); Tham gia phiên tòa; Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; Trình bày ý kiến, tranh luận; Nói lời sau cùng trước khi nghị án (bị cáo).

Quyền được tranh tụng trong TTHS chính là một yếu tố bảo đảm tính công bằng trong quá trình xét xử vụ án hình sự. Tranh tụng được thực hiện ở các giai đoạn khác nhau của TTHS nhưng trong giai đoạn xét

xử vụ án hình sự, nó được thể hiện rõ nét và đầy đủ nhất. Điều 26 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của BLTTHS, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do BLTTHS quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, quy định về nguyên tắc xét xử công bằng trong TTHS là sự ghi nhận những đòi hỏi khách quan, tất yếu về công lý và nhân quyền trong TTHS. Xét xử công bằng và bảo đảm quyền con người là một trong những mục tiêu cơ bản của nền tư pháp.

Thứ hai, quy định về nguyên tắc xét xử công bằng là sự cụ thể hóa thành pháp luật các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước về cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thứ ba, quy định về nguyên tắc xét xử công bằng trong TTHS là thực hiện trách nhiệm nội luật hóa pháp luật quốc tế về nhân quyền phổ biến mà Việt Nam đã tham gia. Các văn bản pháp luật quốc tế về nhân quyền như Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị đều có quy định về quyền được xét xử công bằng.

Thứ tư, quy định về nguyên tắc xét xử công bằng là công cụ, phương tiện hữu hiệu

để bảo vệ quyền con người. Các nội dung quy định của pháp luật về quyền được xét xử công bằng trong TTHS sẽ trở thành công cụ hữu hiệu để bảo vệ các quyền con người bởi nó sẽ cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng có thể duy trì hàng loạt các quyền con người đảm bảo cho việc thi hành công lý từ lúc nghi ngờ tội phạm cho đến lúc thi hành bản án.

2. Một số đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về nguyên tắc xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng điều luật riêng về nguyên tắc xét xử công bằng trong BLTTHS

Với vai trò quan trọng của nguyên tắc này, tác giả đề xuất Điều 25 BLTTHS cần chia tách ra thành 03 điều luật với nội dung chi tiết gồm: Đảm bảo nguyên tắc xét xử công bằng trong TTHS; Đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai trong TTHS; Đảm bảo nguyên tắc xét xử nhanh chóng, kịp thời.

Riêng đối với nguyên tắc xét xử công bằng, theo tác giả, điều luật về nguyên tắc này cần ghi nhận các nội dung của nguyên tắc này theo hướng:

“1. Bất kì người tham gia tố tụng nào cũng được đảm bảo quyền được xét xử công bằng bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị.

2. Người bị buộc tội được đảm bảo quyền bào chữa công bằng, bảo đảm quyền suy đoán vô tội và quyền được tranh tụng công bằng trong quá trình giải quyết vụ án”.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS về các nội dung của nguyên tắc bảo đảm quyền được xét xử công bằng trong TTHS

Một là, hoàn thiện các quy định về bảo đảm quyền bào chữa

- Cần có hướng dẫn cụ thể hoặc có quy định cụ thể trong BLTTHS về thời gian người bào chữa được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước một thời gian hợp lý về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định tại Điều 79 BLTTHS.

- Cần sửa đổi quy định về trường hợp được chỉ định bào chữa (tại điểm a khoản 1

Điều 76) đối với bị can, bị cáo về tội có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân, tử hình (quy định hiện hành được chỉ định bào chữa là bị can, bị cáo về tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình). Kiến nghị này nhằm đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội trong trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng⁹.

*Hai là, hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội nhằm đảm bảo quyền được xét xử công bằng*¹⁰

- Cần bổ sung quy định về quyền của người bị buộc tội là bị cáo có quyền: “Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa” tại Điều 61 BLTTHS năm 2015. Quyền này đã được BLTTHS năm 2015 bổ sung và quy định tại điểm i khoản 1 Điều 60, theo đó, bị can có quyền: “Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu”, nhưng lại không được quy định cho bị cáo có quyền này.

- Cần mở rộng hơn quyền đặt câu hỏi của bị cáo tại điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 và các quy định khác có liên quan. Việc thực hiện đặt câu hỏi của bị cáo không nên bị giới hạn bởi việc cho phép của chủ tọa phiên tòa mà cần phải được mở rộng theo hướng bị cáo có quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác, chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những câu hỏi trùng lặp, không liên quan đến vụ án mà bị cáo đưa ra.

- Bổ sung quyền của bị cáo tại điểm a khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 về quyền “được biết các kết quả của hoạt động điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự”. Các điều 60, 232, 238 và 245 có quy

⁹ Nguyễn Tất Viên, “Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào đơn vị hành chính”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 15/2021, tr. 24.

¹⁰ Đặng Văn Thực, Lê Xuân Lục, “Bàn về quyền được xét xử công bằng trong TTHS Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 6/2023.

định bị can có quyền được nhận các kết quả của **hoạt động điều tra** bổ sung như bản kết luận điều tra bổ sung, bản cáo trạng bổ sung hoặc các quyết định khác trong hoạt động điều tra bổ sung nhưng lại không có quy định cho bị cáo có quyền nhận các quyết định trên.

Ba là, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật nhằm bảo đảm, tôn trọng quyền được suy đoán vô tội của bị can, bị cáo

Cần phải quy định rõ thế nào là quyền được suy đoán vô tội và đưa ra được những chế tài xử phạt cụ thể nếu vi phạm quyền này. Bổ sung nội dung suy đoán có lợi trong nội hàm suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS năm 2015. Theo đó, người bị buộc tội còn được suy đoán có lợi trong trường hợp: *Pháp luật quy định chưa rõ hoặc có tranh chấp quan điểm thì giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội; trường hợp còn nghi ngờ về chứng cứ hoặc tội được áp dụng thì có thể suy đoán vô tội hoặc suy đoán có lợi cho người bị buộc tội nếu việc suy đoán có lợi đó không còn nghi ngờ gì nữa.* Kiến nghị này góp phần hạn chế oan, sai cho người bị buộc tội, qua đó việc xét xử được công bằng hơn.

Bốn là, bổ sung quy định về quyền giữ im lặng

BLTTHS năm 2015 quy định “Người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. BLTTHS năm 2015 không có Điều luật nào quy định cụ thể về “quyền giữ im lặng” nhưng “quyền giữ im lặng” đã được thể hiện trong nhiều quy định của BLTTHS. Như vậy, cần thiết quy định cụ thể “quyền giữ im lặng” trong BLTTHS để rõ ràng, rành mạch hơn trong việc bảo vệ quyền con người mà Hiến pháp đã quy định. Do đó, nên tách quy định nêu trên thành một điều luật riêng quy định về “Quyền giữ im lặng”. Có thể tham khảo Điều 311 BLTTHS Nhật Bản như sau: “*Bị cáo có thể giữ im lặng trong toàn bộ thời gian xét hỏi hoặc có thể từ chối khai báo với những câu hỏi riêng tư*”¹¹./.

¹¹. Criminal Procedural Code of the Japan, (nguyên văn tiếng Anh Điều 311: “The accused may remain silent at

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
2. Đào Trí Úc (chủ biên), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1994;
3. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 210-217;
4. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Quyền con người - Tập hợp những bình luận khuyến nghị chung Ủy ban công ước Liên hợp quốc*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.65;
5. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR 1966)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2012;
6. Nguyễn Ngọc Chí (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực Tư pháp hình sự (sách chuyên khảo)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr.121;
7. Nguyễn Ngọc Chí, “Các nguyên tắc cơ bản trong luật TTHS - Những đề xuất sửa đổi, bổ sung”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội*, Kinh tế - Luật 24 (2008), tr. 239-253;
8. Nguyễn Trần Như Khuê, “Nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng và công khai theo Điều 25 BLTTHS năm 2015”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 04/2017;
9. Đào Trí Úc, “Nguyên tắc suy đoán vô tội - Nguyên tắc hiến định quan trọng trong BLTTHS năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 02/2017;
10. Nguyễn Tất Viễn, “Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào đơn vị hành chính”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 15/2021, tr. 24.
11. Võ Quốc Tuấn, “Pháp luật về quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 04 (452)/2022, tr.47-51;
12. Đặng Văn Thực, Lê Xuân Lục, “Bàn về quyền được xét xử công bằng trong TTHS Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 6/2023;
13. Đinh Thế Hưng (2019), *Thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/thuc-hien-nguyen-tac-suy-doan-vo-toi-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam>, truy cập ngày 27/10/2023;
14. Hoàng Hùng Hải (2012), *Bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong xét xử hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.33;
15. Nguyễn Trần Như Khuê (2023), *Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 65.

all times or may refuse to answer particular questions”), https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2056/en#je_pt2ch3sc1at53, truy cập ngày 22/3/2023.